

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 13/5/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;

2. Bà Vũ Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ 6, ấp M, xã B, huyện U, tỉnh D; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lê Đình N, sinh năm 1988, Địa chỉ: Tổ 6, ấp M, xã B, huyện U, tỉnh D; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Ngày 11/6/2020, ông Nguyễn Lê Đình N có vay của bà Nguyễn Thị X số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất, hẹn trong vòng 01 tháng (Đến 11/7/2020) sẽ trả lại số tiền vay nhưng đến hạn ông N chỉ trả được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại ông N không thực hiện thanh toán, sau nhiều lần đòi nhưng ông N cố tình trốn tránh, khi Tòa án mời đến làm việc, ông N cũng không đến mà có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả lại số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo chứng cứ là “Giấy mượn tiền” ngày 11/6/2020. Về khoản tiền lãi từ khi vay đến nay, Bà X yêu cầu ông N thanh toán tiền lãi từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử (tháng 5/2021) với mức là 0,83%/tháng x 6 tháng là 2.490.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2021, bị đơn ông Nguyễn Lê Đình N (có đơn xin xét xử vắng mặt) trình bày:

Ông Nguyễn Lê Đình N thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị X số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), có trả lãi suất đầy đủ, hẹn trong vòng 01 tháng (Đến 11/7/2020) sẽ trả lại số tiền vay nhưng đến hạn ông N chỉ trả được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại ông N không thực hiện thanh toán nhưng đã trả lãi đủ cho bà X đến tháng 8/2021. Nay ông đồng ý thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho bà X, không đồng ý thanh toán tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm) nhưng bị đơn ông Nguyễn Lê Đình N đến Tòa án chỉ nhận Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập không tham gia hòa giải và có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 05/3/2021. Tại biên bản xác minh, Công an xã B, huyện U cho biết: Ông Nguyễn Lê Đình N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã B huyện U, hiện nay ông N vẫn đang cư trú tại xã B, huyện U. Căn cứ Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn ông N và ông đã biết được việc bà X khởi kiện, có nộp bản tự khai và có nộp cho Tòa án đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 05/3/2021, ông N chỉ đồng ý thanh toán cho bà X số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo chứng cứ là Giấy nhận mượn tiền ngày 11/6/2020. Về tiền lãi từ khi vay đến nay, Bà X yêu cầu ông N thanh toán tiền lãi từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức là 0,83%/tháng, ông N không đồng ý.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Nguyễn Lê Đình N đã được Tòa án tổng đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ trực tiếp vào ngày 05/3/2021, ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt là hợp lệ. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn ông N có đơn xin vắng mặt là chấp hành đúng quy định pháp luật, việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Lê Đình N có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị X. Về khoản tiền lãi từ khi vay đến nay, ông N không chứng minh được đã trả lãi cho bà X đến tháng 8/2020 nên không có căn cứ xem xét lại, nên bà X yêu cầu ông N thanh toán tiền lãi từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử tháng 5/2021 với mức là 0,83%/tháng x 6 tháng là 2.490.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn ông Nguyễn Lê Đình N có nơi cư trú tại xã B, huyện u, tỉnh D và đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và bị đơn ông Nguyễn Lê Đình N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 277 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đủ căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/6/2020 thể hiện nội dung ông N có vay của bà X số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày mượn sẽ thanh toán lại số tiền trên, không thỏa thuận lãi suất; bên dưới góc phải của văn bản có chữ ký, dòng chữ ghi họ và tên “Nguyễn Lê Đình N”, do đó, HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tài sản và không có lãi suất theo Điều 463 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Ông N đã thanh toán được 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng chưa thanh toán. Do ông Nguyễn Lê Đình N vi phạm thời hạn và nghĩa vụ thanh toán nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về khoản tiền lãi từ khi vay đến nay, bà X yêu cầu ông N thanh toán tiền lãi từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử tháng 5/2021 với mức là 0,83%/tháng x 6 tháng là 2.490.000 đồng là phù hợp với Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận. Ông N cho rằng đã trả lãi cho bà X đến tháng 8/2021 nhưng không có chứng cứ chứng minh được việc trả lãi nên HĐXX không chấp nhận ý kiến trình bày của ông N.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Lê Đình N phải chịu theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 238, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với ông Nguyễn Lê Đình N.

- Buộc ông Nguyễn Lê Đình N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày 07/5/2021 với mức lãi 0,83%/tháng x 06 tháng là 2.490.000 đồng (hai triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng cộng phải thanh toán là 52.490.000 đồng (Năm mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Lê Đình N phải chịu số tiền 2.634.500 đồng (Hai triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng